

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1449/BKHCN-VP

V/v thông báo kêu gọi đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 "Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh", mã số: KC.01/21-30.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2022

Kính gửi:

Nhằm thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã ban hành Quyết định số 1002/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2022 về việc phê duyệt Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 "Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh", mã số: KC.01/21-30.

Để Chương trình KC.01/21-30 được triển khai rộng rãi, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, Bộ KH&CN kêu gọi đề xuất đề tài/dự án KH&CN từ các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp KH&CN, viện nghiên cứu, trường đại học trên cả nước, cụ thể:

1. Các đề xuất cần phù hợp với mục tiêu, nội dung, sản phẩm đã được ban hành tại Quyết định số 1002/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2022 của Bộ KH&CN (*Quyết định này được đăng tải tại mục "Văn bản chỉ đạo, điều hành" trên cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN theo địa chỉ: www.most.gov.vn*), trong đó ưu tiên:

- Đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Bộ, ngành), ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (địa phương); Ban chỉ đạo chuyển số của các Bộ, ngành, địa phương; Sở KH&CN, Sở Thông tin và Truyền thông và các sở ngành, tổ chức có liên quan của các địa phương.

- Đề xuất có nguồn vốn đối ứng của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;

- Đề xuất có sự phối hợp giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và các cơ quan, tổ chức ứng dụng.

- Đề xuất có sản phẩm có thể triển khai ứng dụng trực tiếp tại các cơ quan, tổ chức nhà nước và địa phương, cung cấp dịch vụ, tiện ích cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao chất lượng sống và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.



From

1877
1878
1879
1880
1881
1882
1883
1884
1885
1886
1887
1888
1889
1890
1891
1892
1893
1894
1895
1896
1897
1898
1899
1900
1901
1902
1903
1904
1905
1906
1907
1908
1909
1910
1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025



- Đề xuất có kết quả nghiên cứu đáp ứng mục tiêu, thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030.

2. Mẫu đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (*Phiếu đề xuất nhiệm vụ theo mẫu tại phụ lục của Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN, có thể tải từ cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN theo địa chỉ: www.most.gov.vn*).

3. **Thời gian nhận đề xuất:** Trong kế hoạch năm 2022 có 3 đợt nhận đề xuất, bao gồm:

Đợt 1: Nhận đề xuất đến trước 16h30 ngày 15/7/2022;

Đợt 2: Từ ngày 16/7/2022 đến trước 16h30 ngày 15/9/2022;

Đợt 3: Từ ngày 16/9/2022 đến trước 16h30 ngày 15/11/2022.

4. **Địa chỉ nhận hồ sơ đề xuất:**

Bản in được gửi qua đường Công văn gửi đến địa chỉ: Bộ KH&CN, số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Mọi thông tin chi tiết, đề nghị xem tại cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN theo địa chỉ: www.most.gov.vn hoặc trang web của chương trình theo địa chỉ: <http://www.vpct.gov.vn/Home.html> hoặc liên hệ với bà Bùi Thị Liên Hương, Vụ Công nghệ cao, Bộ KH&CN, số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội; điện thoại: 0983603345; email: blhuong@most.gov.vn.

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CNC (để thực hiện);
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Mai Dương



DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GỬI CÔNG VĂN

(Kèm theo Công văn số 1449 /BKHCN-VP ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Bộ, ngành:

1. Văn phòng Chính phủ
2. Bộ Quốc phòng
3. Bộ Công an
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Bộ Thông tin và Truyền thông
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường
7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8. Bộ Tài chính
9. Bộ Công thương
10. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11. Bộ Giao thông vận tải
12. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
14. Bộ Y tế
15. Bộ Tư pháp
16. Bộ Xây dựng
17. Bộ Nội vụ
18. Bộ Tư pháp
19. Ủy ban Dân tộc
20. Thanh tra Chính phủ
21. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
22. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
23. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
24. Đại học Quốc gia Hà Nội
25. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
26. Cục tin học hóa – Bộ Thông tin và Truyền thông (Cơ quan thường trực của Ủy ban chuyển đổi số quốc gia)

Địa phương

1. Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh
2. Sở KH&CN TP. Đà Nẵng
3. Sở KH&CN TP. Hà Nội
4. Sở KH&CN tỉnh An Giang
5. Sở KH&CN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
6. Sở KH&CN tỉnh Bạc Liêu
7. Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang
8. Sở KH&CN tỉnh Bắc Cạn
9. Sở KH&CN tỉnh Bắc Ninh
10. Sở KH&CN tỉnh Bến Tre
11. Sở KH&CN tỉnh Bình Dương
12. Sở KH&CN tỉnh Bình Định
13. Sở KH&CN tỉnh Bình Phước
14. Sở KH&CN tỉnh Bình Thuận
15. Sở KH&CN tỉnh Cao Bằng
16. Sở KH&CN tỉnh Cà Mau
17. Sở KH&CN tỉnh Cần Thơ
18. Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk
19. Sở KH&CN tỉnh Đắk Nông
20. Sở KH&CN tỉnh Điện Biên
21. Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai
22. Sở KH&CN tỉnh Đồng Tháp
23. Sở KH&CN tỉnh Gia Lai
24. Sở KH&CN tỉnh Hà Giang
25. Sở KH&CN tỉnh Hà Nam
26. Sở KH&CN tỉnh Hà Tĩnh
27. Sở KH&CN tỉnh Hải Dương
28. Sở KH&CN tỉnh Hậu Giang
29. Sở KH&CN TP Hải Phòng
30. Sở KH&CN tỉnh Hòa Bình
31. Sở KH&CN tỉnh Hưng Yên

32. Sở KH&CN tỉnh Khánh Hòa
33. Sở KH&CN tỉnh Kiên Giang
34. Sở KH&CN tỉnh Kon Tum
35. Sở KH&CN tỉnh Lai Châu
36. Sở KH&CN tỉnh Lào Cai
37. Sở KH&CN tỉnh Lạng Sơn
38. Sở KH&CN tỉnh Lâm Đồng
39. Sở KH&CN tỉnh Long An
40. Sở KH&CN tỉnh Nam Định
41. Sở KH&CN tỉnh Nghệ An
42. Sở KH&CN tỉnh Ninh Bình
43. Sở KH&CN tỉnh Ninh Thuận
44. Sở KH&CN tỉnh Phú Thọ
45. Sở KH&CN tỉnh Phú Yên
46. Sở KH&CN tỉnh Quảng Bình
47. Sở KH&CN tỉnh Quảng Nam
48. Sở KH&CN tỉnh Quảng Ngãi
49. Sở KH&CN tỉnh Quảng Ninh
50. Sở KH&CN tỉnh Quảng Trị
51. Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng
52. Sở KH&CN tỉnh Sơn La
53. Sở KH&CN tỉnh Tây Ninh
54. Sở KH&CN tỉnh Thanh Hóa
55. Sở KH&CN tỉnh Thái Bình
56. Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên
57. Sở KH&CN tỉnh Thừa Thiên Huế
58. Sở KH&CN tỉnh Tiền Giang
59. Sở KH&CN tỉnh Trà Vinh
60. Sở KH&CN tỉnh Tuyên Quang
61. Sở KH&CN tỉnh Vĩnh Long
62. Sở KH&CN tỉnh Vĩnh Phúc
63. Sở KH&CN tỉnh Yên Bái
64. Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh

65. Sớ Thông tin và Truyền thông TP. Đà Nẵng
66. Sớ Thông tin và Truyền thông TP. Hà Nội
67. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang
68. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
69. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bạc Liêu
70. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Giang
71. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Cạn
72. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh
73. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre
74. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Dương
75. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định
76. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước
77. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Thuận
78. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng
79. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau
80. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Cần Thơ
81. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk
82. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông
83. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên
84. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai
85. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp
86. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai
87. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Giang
88. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam
89. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Tĩnh
90. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương
91. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Hậu Giang
92. Sớ Thông tin và Truyền thông TP Hải Phòng
93. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình
94. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Hưng Yên
95. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa
96. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang
97. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Kon Tum

98. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu
99. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai
100. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn
101. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng
102. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Long An
103. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định
104. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ an
105. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Bình
106. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận
107. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Thọ
108. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên
109. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình
110. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Nam
111. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi
112. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ninh
113. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Trị
114. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng
115. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La
116. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh
117. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Thanh Hóa
118. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Bình
119. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên
120. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế
121. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Tiền Giang
122. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Trà Vinh
123. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang
124. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Long
125. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Phúc
126. Sớ Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh”, mã số: KC.01/21-30

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Công văn số 1066/TTg- KGVX ngày 05/8/2021;

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030: “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh” (sau đây gọi tắt là Chương trình), mã số: KC.01/21-30. Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của Chương trình quy định tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Cơ chế quản lý và tài chính của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban KH-CNMT của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Thế Duy



PHỤ LỤC

Mục tiêu, nội dung, hệ kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh”, mã số: KC.01/21-30.

(Kèm theo Quyết định số 1002/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Mục tiêu

1. Phát triển các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình, giải pháp số hóa, giải pháp liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ phát triển Chính phủ số.
2. Phát triển sản phẩm, giải pháp và mô hình phục vụ phát triển đô thị thông minh; phát triển các tiện ích đô thị thông minh phục vụ cho cộng đồng trong đô thị; giải pháp số hóa, liên thông, tích hợp và khai thác dữ liệu không gian đô thị và cơ sở dữ liệu liên quan khác phục vụ phát triển đô thị thông minh; làm chủ, ứng dụng công nghệ số trong quy hoạch, quản lý, giám sát, vận hành đô thị thông minh.
3. Làm chủ công nghệ trong thiết kế, chế tạo, tích hợp, thử nghiệm và ứng dụng các sản phẩm, giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin cho các hệ thống cung cấp dịch vụ công, hệ thống thông tin quan trọng trong Chính phủ số và đô thị thông minh; phát triển hệ thống đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin, hệ thống hỗ trợ giám sát an ninh mạng phục vụ Chính phủ số và đô thị thông minh.
4. Góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, khung pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, hướng dẫn kỹ thuật phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh tại Việt Nam, bảo đảm kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu số giữa các hệ thống thông tin trong Chính phủ số, kết nối liên thông với Mạng lưới các đô thị thông minh khu vực ASEAN.

II. Nội dung

1. Nghiên cứu làm chủ công nghệ trong thiết kế, chế tạo, tích hợp, thử nghiệm một số sản phẩm, giải pháp tích hợp dựa trên công nghệ số phục vụ điều hành, quản trị đảm bảo hiệu quả, tin cậy.
2. Nghiên cứu làm chủ và ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số hình thành các sản phẩm, dịch vụ phục vụ phát triển Chính phủ số, đô thị thông minh.
3. Nghiên cứu, phát triển các giải pháp số hóa dữ liệu, kết nối liên thông,

tích hợp, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, chia sẻ hạ tầng số giữa các hệ thống thông tin trong Chính phủ số, hạ tầng số đô thị thông minh, kết nối liên thông với Mạng lưới các đô thị thông minh khu vực ASEAN.

4. Nghiên cứu, làm chủ công nghệ trong thiết kế, chế tạo, tích hợp, thử nghiệm và ứng dụng các sản phẩm, giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin cho các hệ thống cung cấp dịch vụ công, hệ thống thông tin quan trọng trong Chính phủ số và các hạ tầng số của đô thị thông minh.

5. Nghiên cứu, phát triển một số sản phẩm, giải pháp hình thành hệ thống đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin, hệ thống hỗ trợ giám sát an ninh mạng phục vụ Chính phủ số và đô thị thông minh.

6. Nghiên cứu tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động, xây dựng luận cứ khoa học cho việc dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và lộ trình thực hiện, hướng dẫn kỹ thuật nhằm từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách, khung pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, hướng dẫn kỹ thuật phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh tại Việt Nam.

III. Dự kiến sản phẩm

1. Các sản phẩm, giải pháp tích hợp bảo đảm phục vụ hoạt động của Chính phủ số và đô thị thông minh bao gồm: Thiết bị mạng trung tâm dữ liệu, mạng truyền dẫn, mạng lõi và truy cập vô tuyến băng rộng tích hợp, vô tuyến băng hẹp, tiêu thụ năng lượng thấp; thiết bị bảo mật hệ thống, bảo mật phần cứng, bảo mật phần mềm, xác thực điện tử, liên hiệp định danh; thiết bị đầu cuối phục vụ truy cập thông tin, cảm biến kết nối Internet băng thông rộng, tích hợp các thiết bị Internet vạn vật,...

2. Mô hình, phần mềm, dịch vụ, giải pháp tích hợp cho phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh; giải pháp số hóa dữ liệu; giải pháp kết nối liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin quốc gia, hạ tầng đô thị thông minh; giải pháp lưu trữ thông tin, dữ liệu lớn trên nền tảng công nghệ điện toán đám mây; giải pháp lưu trữ, bảo mật và minh bạch dữ liệu trên nền tảng công nghệ chuỗi khối; mô hình, giải pháp phân tích dữ liệu lớn phục vụ Chính phủ số và đô thị thông minh,...

3. Các sản phẩm, giải pháp tích hợp hỗ trợ phân tích, xử lý dữ liệu, phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin ở cấp quốc gia, bộ, ngành, địa phương; giám sát, cảnh báo, hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng; các hệ thống đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng, hệ thống hỗ trợ giám sát an ninh mạng phục vụ Chính phủ số và đô thị thông minh.

4. Các báo cáo luận cứ khoa học và thực tiễn, kiến nghị xây dựng cơ chế,

chính sách, khung tham chiếu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, hướng dẫn kỹ thuật phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh; bảo đảm theo kịp sự phát triển của công nghệ trên thế giới, phát triển đồng bộ các mô hình Chính phủ số, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng số, dữ liệu số giữa các hệ thống thông tin, giữa các đô thị thông minh thuộc Mạng lưới các đô thị thông minh khu vực ASEAN.

IV. Yêu cầu đối với sản phẩm khoa học

Công nghệ, thiết bị, phần mềm, dịch vụ được tạo ra có tính năng kỹ thuật, chất lượng tương đương, có thể cạnh tranh được với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ cùng loại trên thị trường.

V. Chỉ tiêu đánh giá

1. Về trình độ khoa học

50% nhiệm vụ có kết quả được công bố trên tạp chí khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành được phê duyệt theo Quyết định của Hội đồng giáo sư nhà nước, trong đó tối thiểu 20% nhiệm vụ có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

2. Về trình độ công nghệ

Tối thiểu 30% nhiệm vụ có kết quả có thể tạo ra sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tương đương với các sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực, thúc đẩy phát triển thị trường.

3. Về sở hữu trí tuệ

Tối thiểu 30% nhiệm vụ có kết quả được chấp nhận đơn yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

4. Về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Tối thiểu 50% nhiệm vụ tham gia đào tạo sau đại học.

5. Về cơ cấu nhiệm vụ

- 20% nhiệm vụ có kết quả làm tiền đề cho việc nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ ở giai đoạn tiếp theo.

- 80% nhiệm vụ nghiên cứu có kết quả được ứng dụng phục vụ cho các hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan Nhà nước hoặc có thể thương mại hóa.

